

# Mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Nhìn từ sự tham gia của nông dân và ứng dụng khoa học và công nghệ<sup>1</sup>

Đỗ Hoài Nam<sup>(\*)</sup>,  
Khúc Thị Thanh Vân<sup>(\*\*)</sup>,  
Nguyễn Kim Toàn<sup>(\*\*\*)</sup>

**Tóm tắt:** Mô hình tích tụ đất đai tại đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có những khác biệt so với cả nước. Hình thức dồn điền đổi thửa không áp dụng được tại vùng đất này. Cánh đồng lớn là mô hình tập trung ruộng đất được nhiều người nông dân hưởng ứng và chỉ tập trung vào việc sản xuất lúa. Việc tham gia của nông dân và ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) vào mô hình cánh đồng lớn được thực hiện rộng khắp vùng ĐBSCL. Nhằm đánh giá thực trạng quá trình tích tụ và tập trung ruộng đất ở vùng đất này hiện nay, cũng như thúc đẩy sự tham gia của nông dân và ứng dụng KH&CN vào các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất, bài viết tiếp cận các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất ở ĐBSCL từ hai khía cạnh: sự tham gia của nông dân và ứng dụng KH&CN.

**Từ khóa:** Tích tụ ruộng đất, Tập trung ruộng đất, Dồn điền đổi thửa, Cánh đồng lớn, Sự tham gia của nông dân, Khoa học và công nghệ, Đồng bằng sông Cửu Long

**Abstract:** Model of land accumulation in the Mekong River Delta differs from the others in the country as land consolidation and conversion are not applicable. The model of large fields by concentrating land is mostly welcome and focuses only on rice production. Farmers' participation and the application of science and technology in this model are popular throughout the Mekong Delta. To evaluate the current situation of land accumulation and concentration therein as well as to promote the participation of farmers and application of science and technology into these patterns, the article approaches the models of land accumulation and concentration in the Mekong Delta from two aspects, namely, farmers' participation and the application of science and technology.

**Keywords:** Model, Land Accumulation, Land Concentration, Land Conversion, Large Fields, Farmer Participation, Science and Technology, Mekong Delta

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Quốc gia “Giải pháp thúc đẩy tích tụ và tập trung ruộng đất trong phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại ở vùng đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh mới” (Mã số: KHCN-TNB.ĐT/14-19/X17) thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển bền vững vùng Tây Nam bộ (Mã số KHCN-TNB/14-19) do GS.TS. Đỗ Hoài Nam chủ nhiệm, Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng chủ trì.

(\*) GS.TS.; Email: donam49@gmail.com

(\*\*) TS., Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

(\*\*\*) TS., Trung tâm Nghiên cứu và Tư vấn về Phát triển.

### Mở đầu

Tích tụ ruộng đất liên quan đến các mô hình giúp tăng diện tích ruộng đất của các hộ gia đình hoặc tổ chức kinh tế qua việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) nông nghiệp từ các cá nhân, tổ chức kinh tế hoặc qua các mô hình góp vốn bằng QSDĐ có chuyển QSDĐ giữa nông dân với doanh nghiệp (DN).

Tập trung ruộng đất có thể được hiểu là “gom” nhiều mảnh đất hiện có thành mảnh đất, khu đất, cánh đồng có quy mô lớn, liền vùng, liền thửa, phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ, bằng con đường thuê mướn hoặc liên kết sản xuất, kinh doanh, góp vốn QSDĐ vào DN... Hình thức tập trung ruộng đất liên quan đến các mô hình giúp tăng diện tích mảnh ruộng hoặc tạo ra các quy trình canh tác đồng nhất mà không làm thay đổi QSDĐ nông nghiệp của cá nhân, tổ chức kinh tế.

Tích tụ ruộng đất ở cấp độ hộ gia đình, cá nhân để có thể phát triển thành trang trại, gắn với việc chuyển từ hình thức sản xuất nhỏ, tự cung tự cấp sang hình thức sản xuất hàng hóa. Khi các nông hộ lớn hoặc nhóm nông hộ tập trung ruộng đất qua hình thức liên danh, liên kết để trở thành DN nông nghiệp thì quy mô sản xuất nông nghiệp cũng được nâng lên với các phương pháp sản xuất, hạch toán khác biệt hẳn so với hình thức trang trại. Khi đó, hàng hóa cũng sẽ được sản xuất với quy mô lớn hơn, mang tính chuyên môn hóa hơn và có thể có năng lực vươn ra cả thị trường quốc tế một cách dễ dàng hơn so với hình thức sản xuất của trang trại.

Như vậy, mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất có nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong bài nghiên cứu này các tác giả tiếp cận từ góc độ: sự tham gia của nông dân và KH&CN. Các tác giả đã sử dụng các

phương pháp phỏng vấn sâu (PVS) và thảo luận nhóm (TLN) để thu nhận ý kiến của các cơ quan quản lý, các DN và hộ nông dân; phỏng vấn bằng bảng hỏi các hộ nông dân ở 6 tỉnh thuộc vùng ĐBSCL<sup>1</sup> để tìm hiểu thực trạng các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất của vùng này, đồng thời đánh giá sự tham gia của nông dân và hiệu quả của việc ứng dụng KH&CN vào mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất nhằm thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp trên quy mô và diện tích lớn, góp phần nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp cũng như gia tăng lợi ích kinh tế cho tổ chức kinh tế và hộ gia đình nông dân hiện nay.

### 1. Sự tham gia của nông dân trong các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất

#### a) Đồn điền đổi thửa

Như đã nêu, mô hình tích tụ ruộng đất theo hình thức đồn điền đổi thửa không thực hiện được ở vùng ĐBSCL. Lý giải cho điều này, nhiều ý kiến của người nông dân được phỏng vấn cho biết, nguyên nhân là do lối sống và sự gắn bó với đất của người nông dân nơi đây. Với mô hình thôn xã mở, các ngôi nhà gắn liền với khu vực đất sản xuất, người dân ĐBSCL cũng chôn cất những người thân đã mất ngay tại mảnh vườn của gia đình mình, do vậy việc đồn điền đổi thửa

<sup>1</sup> Từ tháng 7-8/2019, Đề tài đã triển khai khảo sát tại 6 tỉnh của vùng ĐBSCL, cụ thể: Đồng Tháp và An Giang là vùng đầu nguồn, có cơ cấu cây trồng tương đối đa dạng, có tiềm năng lớn cho phát triển cây ăn quả. Cần Thơ và Vĩnh Long là vùng sinh thái nước ngọt chiếm ưu thế, thuận lợi cho sản xuất nhiều loại cây trồng khác nhau (lúa, cây ăn trái). Bến Tre và Cà Mau là vùng bị tác động mạnh bởi quá trình xâm nhập mặn và có đặc tính chung của vùng sinh thái mặn lợ. Đề tài thực hiện với tổng số mẫu như sau: điều tra bằng bảng hỏi 600 hộ nông dân/6 tỉnh/18 huyện/12 xã; PVS 126 trường hợp và thảo luận 36 nhóm đối với các đối tượng đại diện cho các cơ quan quản lý, DN và hộ nông dân.

không chỉ liên quan đến đất sản xuất mà còn liên quan đến cả nhà cửa, mồ mả. Thêm vào đó, nhiều người dân có quan niệm rằng, ruộng đất của họ gắn liền với các kỷ niệm về gia đình, dòng họ do các mảnh ruộng của người dân nơi đây gắn bó với người sử dụng từ nhiều đời và thường có nguồn gốc từ thừa kế, tự khai hoang...; điều này khác với ruộng đất ở đồng bằng sông Hồng, đa số là được Nhà nước phân chia.

*b) Hình thức cánh đồng lớn trong sản xuất lúa gạo qua mẫu khảo sát*

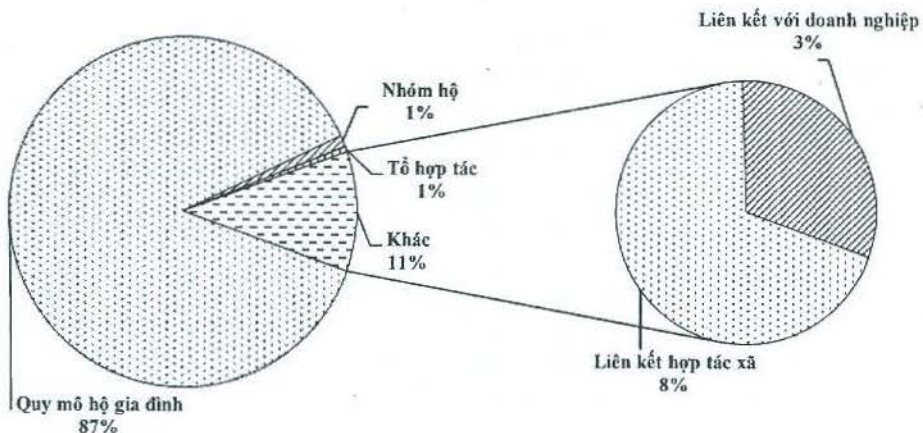
Để có thể có đất sản xuất lúa hàng hóa, DN đã ký kết các hợp đồng với nông dân thông qua tổ sản xuất trong khi chính quyền đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền và vận động người dân ủng hộ và tham gia các hoạt động tập trung ruộng đất để tiến hành sản xuất lớn. Tuy nhiên, sau nhiều năm thực hiện, diện tích cánh đồng lớn đã không thực sự duy trì và mở rộng được. Theo thống kê từ đại diện Tổ chức Hợp tác phát triển Đức (GIZ), số DN tham gia cánh đồng lớn mới chỉ phủ được 3,5% diện tích đất lúa toàn vùng (Dẫn theo: Thúy An, 2017).

Kết quả nghiên cứu của Đề tài cho thấy, trong các hộ trồng lúa, các hình thức tham gia vào các chuỗi liên kết lúa gạo, cánh đồng lớn hoặc hợp tác xã (HTX) của người dân là không lớn. 87% số hộ gia đình sản xuất lúa gạo được phỏng vấn cho biết, họ sản xuất theo quy mô hộ gia đình và họ không mong muốn tham gia vào liên kết với các DN hoặc HTX. Chỉ có 3% số hộ gia đình có liên kết với DN trong hình thức cánh đồng lớn, 8% liên kết theo hình thức HTX.

Có nhiều yếu tố tác động đến quyết định ký thỏa thuận của người dân với DN như: (i) Biến động của giá vật tư đầu vào, giá lúa bán ra trên thị trường; (ii) Mức độ tham gia mua lúa theo hình thức đặt cọc tiền mua lúa cho nông dân ngay từ đầu vụ sản xuất của thương lái địa phương nhằm cạnh tranh mua lúa với DN. Ngoài các yếu tố trên thì người nông dân ưa thích việc bán hàng cho tư thương hơn bởi các yếu tố thuận lợi mang tính (lợi ích) cá nhân như sau:

- Khi ký hợp đồng với tư thương, người nông dân không cần thiết phải chi

**Biểu đồ 1: Các hình thức liên kết trong sản xuất lúa gạo mà các hộ gia đình được phỏng vấn tham gia (%)**



Nguồn: Kết quả điều tra khảo sát của Đề tài (2019).

thêm tiền (hoặc bỏ thêm sức) để đưa lúa từ ruộng ra tận đường. Đây thực sự là một điều khá quan trọng đối với những người có ruộng xa.

- Việc cắt lúa ngay từ sáng sớm của tư thương sẽ khiến lúa có trọng lượng nhiều hơn một chút (do lúa ẩm).

Việc thực hiện liên kết, triển khai cánh đồng lớn cũng có những lần cần, tương chừng không lớn, nhưng thực tế lại gây ra các trở ngại trong tâm lý của người dân. Ví dụ như để nhận được các vật tư đầu vào, đại diện của những hộ nông dân phải đi nhận phân bón, thuốc trừ sâu. Điều này dẫn đến chi phí vận chuyển, tìm kiếm (hoặc phải mượn) chỗ để vật tư, rồi gọi/huy động mọi người tới nhận... trong khi *chỉ cần một cú điện thoại là tư thương họ chở tận nhà, thích lấy lúc nào thì lấy, thậm chí có thể mua chịu* (TLN nông dân tại xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long).

Trong khi các hộ đưa ra lý do quan trọng nhất khiến họ tham gia vào cánh đồng lớn là do thấy được lợi ích của việc tham gia cánh đồng lớn khi sản xuất lúa (96,8%) (Dẫn theo: Đỗ Hoài Nam, 2016) thì một điều quan trọng mà người dân hay đề cập đến là sự chia sẻ lợi ích giữa các bên. Theo họ, việc ký hợp đồng bao tiêu sản phẩm hoặc việc tập trung, tích tụ ruộng đất chắc chắn có thể được mở rộng nếu như DN ký hợp đồng với họ cả năm, không chỉ đối với vụ mùa, khi mà việc sản xuất được thuận lợi, năng suất tốt và lúa có chất lượng tốt hơn - các DN sẵn sàng ký hợp đồng, nhưng với vụ chiêm khi mà chất lượng sản phẩm kém hơn, năng suất thấp hơn thì DN không muốn "bắt tay" với người dân nữa.

c) *Thuê/cho thuê đất và chuyển nhượng quyền sử dụng đất*

Kết quả khảo sát của Đề tài cho thấy, có 40/600 hộ nông dân cho thuê đất, trong

khí chỉ có 03 hộ thuê thêm đất. Mặc dù cho thuê đất có thể đem lại một nguồn thu nhập ổn định, nhưng nó chỉ diễn ra tại các hộ gia đình có nhiều đất song không có đủ nhân lực hoặc vốn để có thể tự tiến hành canh tác. Các hộ gia đình này hầu hết có con em đi làm công nhân tại các khu công nghiệp trong khu vực hoặc đi làm xa, hoặc làm các công việc phi nông nghiệp khác. Người dân có thể thuê đất từ những hộ nông dân khác, hoặc cho DN, HTX thuê đất để sản xuất, có những hộ thuê đến hơn 100 ha đất để trồng khóm (dứa), trồng khoai lang...

Ý kiến của 70% số người tham gia TLN nông dân tại 6 tỉnh thuộc địa bàn nghiên cứu cho thấy, người dân không muốn bán đất, nhưng họ lại có nhu cầu mua đất khá nhiều. Người dân (những người có độ tuổi từ 50 tuổi trở lên) thu gom đất không phải để phát triển sản xuất lớn mà thường là để dành sau này chia cho các con: *Chia cho chúng nó ít ruộng, tốt hơn là cho tiền. Ruộng thì còn, tiền cho chúng nó, nó tiêu một lúc là hết* (TLN nông dân tại xã Thới Hòa, huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long). Chia đất cho con cái cũng có nghĩa cho chúng tư liệu sản xuất và cả nơi ở. Đối với lớp người trẻ hơn, họ thu gom đất để sản xuất, tuy nhiên khó có thể mở rộng được diện tích do các diện tích mua thường là không liền khoảnh.

Tuy vậy, cũng có một xu hướng cho thấy, việc bán đất sẽ xảy ra đối với những hộ gia đình có lớp trẻ đi làm công nhân tại các tỉnh khác.

*Còn một cái nữa là đất ông bà để lại cho, mình giữ cái đất ông bà để lại. Bán cũng tiếc, mà đôi cũng tiếc... đây là vấn đề của thế hệ mấy ông già mình... Phải đến đời con cháu mình, cái tính gắn bó với đất nó mới giảm bớt đi thì có khi nó sẵn sàng bán*

(TLN nông dân xã Tân Lộc, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre).

Việc cho thuê đất để sản xuất thủy sản cũng không nhận được sự hưởng ứng của người nông dân do họ lo ngại các mốc dấu, biên của thửa đất gia đình mình sẽ bị mất khi được trả lại.

*d) Liên kết qua hình thức hợp tác xã*

Trao đổi với cán bộ phụ trách nông nghiệp, cán bộ xã và các hộ nông dân cho thấy, các chuỗi liên kết trên thực tế chưa đủ sức hấp dẫn đối với người nông dân mà chủ yếu do nguyên nhân đầu ra. Đối với chuỗi liên kết trong sản xuất lúa gạo thông qua việc hình thành các cánh đồng lớn, việc chỉ liên kết với nông dân trong vụ mùa (sản xuất cho sản lượng tốt) cùng với các yếu tố mang tính cá nhân như đã phân tích ở trên là các yếu tố cản trở sự tham gia của họ vào chuỗi liên kết này.

Các HTX được thành lập nhằm hỗ trợ các hộ gia đình hình thành các khu vực sản xuất. Nhiều HTX đã hình thành các khu vực sản xuất khoảng 500 ha cho việc trồng các loại hoa màu như đậu, bắp... HTX có đội ngũ các cán bộ kỹ thuật hướng dẫn người dân thực hành cách sản xuất tốt và đảm bảo đáp ứng được các yêu cầu về an toàn thực phẩm.

Trên thực tế, số hộ nông dân tham gia vào các HTX không nhiều. Theo kết quả phỏng vấn, các rào cản được nhận định bao gồm: (i) HTX là từ gây “dị ứng” đối với các hộ nông dân trong khu vực ĐBSCL, do hậu quả của việc sản xuất không hiệu quả của hình thức HTX kiểu cũ. Nhiều hộ dân nói rằng, trước đây (những năm 1980) họ góp đất vào HTX theo chủ trương của Nhà nước, tới khi HTX giải thể, đất đai nhận lại không được đủ. Điều này khiến họ không bao giờ có mong muốn tham gia vào HTX thêm lần nào nữa; (ii) Nhiều

HTX được thành lập chỉ để đáp ứng đủ tiêu chí yêu cầu nhằm đạt được danh hiệu nông thôn mới. Do vậy, mặc dù số lượng HTX được thành lập lớn, số lượng người tham gia nhiều nhưng trên thực tế không hoạt động; (iii) Nhiều HTX hoạt động tốt và tập trung được ruộng đất để phát triển sản xuất, tuy nhiên không có mặt bằng hoặc vốn để đầu tư các loại kho bãi để bảo quản sản phẩm đầu ra. Hơn nữa, việc tìm kiếm các nguồn để tiêu thụ sản phẩm không mấy dễ dàng đối với những giám đốc HTX là người lớn tuổi.

Như vậy, có thể thấy, tích tụ và tập trung ruộng đất giúp tăng thu nhập, tăng năng suất và hiệu quả sản xuất nông nghiệp trong cả trồng lúa, cây ăn trái, chăn nuôi và thủy sản. Việc hình thành các HTX hoặc cánh đồng lớn hay chuỗi liên kết cũng giúp gắn kết được các hộ nông dân trong cùng một quy trình canh tác sản xuất, qua đó tạo ra các sản phẩm có chất lượng đồng đều.

## **2. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất**

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ứng dụng KH&CN đã giúp nông nghiệp tạo ra hiệu quả sản xuất tốt hơn với việc làm tăng năng suất và cải thiện chất lượng các sản phẩm nông nghiệp. Sau 10 năm thực hiện Đề án “Phát triển giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản đến năm 2020”, nhiều diện tích lúa, diện tích ngô, cây ăn quả... đã được sử dụng các loại giống mới để phù hợp với chất đất, khí hậu và tạo ra sản phẩm tốt giúp ngành nông nghiệp đạt được kết quả đáng khích lệ. Hiện ĐBSCL có 4 giống lúa được sử dụng rộng trong sản xuất, chiếm tới 40-60% diện tích gieo trồng lúa toàn vùng. Có 40 giống ngô lai được công nhận chính thức, 56 giống sản xuất thử và các

giống ngô này do Việt Nam sản xuất chiếm tới 40% thị phần giống ngô trong cả nước, công nhận 30 giống cây ăn quả chính thức (Dẫn theo: Hoàng Anh Thư, 2020).

Cùng với việc tạo ra các loại giống mới, các quy trình canh tác và áp dụng cách sử dụng phân bón, thuốc trừ sâu hoặc sản xuất theo quy trình GAP đã được triển khai trên toàn bộ các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL không chỉ bởi các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mà còn có sự tham gia của Trung tâm Khuyến nông của các tỉnh, huyện, các công ty kinh doanh vật tư nông nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2013-2020 với mục tiêu đến năm 2015 là thành tựu KH&CN đóng góp 40% GDP ngành nông nghiệp, và đến năm 2020 đóng góp 50%. Sản phẩm nông nghiệp công nghệ cao và sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 30% giá trị sản xuất các sản phẩm chủ yếu đến năm 2015 và 50% vào năm 2020 (Xem thêm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 2012).

Việc phát triển KH&CN cho các hoạt động nông nghiệp có nghĩa là tập trung vào việc cung cấp và nâng cao kiến thức về KH&CN, giúp người dân hiểu và ứng dụng được các phương pháp sản xuất hữu cơ, quản lý sâu bệnh. Các mô hình ứng dụng KH&CN trong việc chống lụt, chống mặn hoặc trồng hoa màu trên cát, tưới tiết kiệm nước để thích ứng với biến đổi khí hậu đã được các tỉnh triển khai nhằm thay đổi phương thức canh tác và nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp. Kết quả áp dụng KH&CN là sản phẩm của nhà nghiên cứu, DN, người nông dân và các nhà quản lý (Ánh Tuyết, 2019).

Trong mối liên kết giữa bốn nhà gồm nhà quản lý, nhà khoa học, nhà nông và DN thì DN được đánh giá là có vai trò trung tâm. Mặc dù Nhà nước ban hành nhiều chính sách cho việc ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN vào sản xuất nông nghiệp, nhưng trong bối cảnh ruộng đất manh mún và thiếu vốn thì người nông dân không thể triển khai được các kế hoạch sản xuất có quy mô, ruộng đất manh mún cũng không thể áp dụng được cơ giới, công nghệ mới... Vì vậy, các DN chính là những tổ chức có thể tiếp cận được các công nghệ mới, có nhân sự để xây dựng được các kế hoạch sản xuất... và họ cũng có thể liên kết với nhau để có thể huy động được vốn, tạo được chuỗi liên kết để tiêu thụ sản phẩm.

Tại các tỉnh thuộc địa bàn nghiên cứu, nhiều mô hình nuôi tôm theo hướng ứng dụng công nghệ cao (siêu thâm canh) đã được triển khai. Với mô hình này, không cần thiết phải có quá nhiều đất, tuy nhiên, các ao sẽ được chia thành ao nuôi, ao lắng... Do vậy, tôm có thể thả với mật độ cao, cho năng suất cao, nhưng lại hạn chế được dịch bệnh và ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, tỉnh Bạc Liêu đã và đang triển khai các mô hình nuôi tôm trong nhà kính và nhà lưới, có thể nuôi 3 vụ/năm.

Trong các mô hình trồng trọt mà Đề tài tìm hiểu, việc áp dụng KH&CN của người nông dân hầu hết đều trong tình trạng tự tìm kiếm thông tin trên Internet và phụ thuộc hoàn toàn vào các thông tin từ các đại lý hoặc các công ty kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, giống và vật tư nông nghiệp. *Việc áp dụng KH&CN thì Phòng Nông nghiệp huyện hoặc Trung tâm Khuyến nông có hỗ trợ các hộ nông chúng tôi, nhưng cũng phải tìm hiểu trên mạng nhiều vì có nhiều người chia sẻ kinh nghiệm thực tế hơn là các công ty bán thuốc, phân* (TLN nông

dân xã Phú Thành B, huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp).

Trong các huyện Đề tài nghiên cứu, bóng dáng của liên kết giữa bốn nhà thực sự chưa rõ ràng. Đối với việc cung cấp giấy chứng nhận VietGAP, nhà quản lý chỉ hỗ trợ một lần, sau đó mô hình (DN nhỏ/HTX) cần phải tự cố gắng duy trì để tiếp tục được cấp giấy chứng nhận. Khoảng 50% số mô hình không có đủ kinh phí để duy trì và tiếp tục được cấp giấy chứng nhận VietGAP.

Đối với các loại giống lúa, những người tham gia mô hình trồng lúa sẽ trồng các loại giống mới theo yêu cầu của DN, tuy nhiên với mô hình trồng cây ăn trái, giống cây do người dân tự mua hoặc tự sản xuất.

Đối với việc sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật, người nông dân chủ yếu sử dụng theo kinh nghiệm của mình và việc tìm kiếm thông tin thường là trên mạng hoặc theo hướng dẫn của những người bán thuốc bảo vệ thực vật. Các DN cũng tham gia vào mảng này một cách tích cực và chỉ những DN kinh doanh thuốc, giống và phân bón mới tổ chức hội thảo 1-2 lần/năm nhằm bán hàng. Tại huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp, các DN lương thực cung ứng đầu vào của sản phẩm và các kỹ thuật canh tác quyết định giá thành đầu ra, tuy nhiên liên kết này giữa DN và người dân không bền vững, chỉ hoạt động tốt trong 2 đến 3 năm đầu, sau đó DN để người dân tự canh tác trên diện tích đất của mình, nếu đảm bảo đầu ra theo yêu cầu thì DN sẽ thu mua. Hoặc: *Nếu DN có kế hoạch cụ thể về quy hoạch, chuyển đổi cơ cấu cây trồng và định hướng đảm bảo được đầu ra của sản phẩm thì người dân mới nghe theo, bàn bạc cụ thể xem có nên đầu tư không, có bền vững không* (TLN HTX Nông nghiệp Phú Thành, xã Phú Thành, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang).

Việc áp dụng công nghệ cao vào khu vực này hầu như rất ít, thậm chí để đảm bảo canh không cho nước mặn xâm nhập vào vườn cam, người nông dân đến nay vẫn còn thử bằng cách ném nước, trong khi máy đo độ mặn do Sở Tài nguyên và Môi trường lắp đặt lại không hoạt động.

### 3. Một số nhận định, đánh giá về quá trình thúc đẩy các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất ở đồng bằng sông Cửu Long

Từ nghiên cứu thực trạng của các mô hình tích tụ, tập trung ruộng đất ở ĐBSCL tiếp cận từ góc độ sự tham gia của nông dân và ứng dụng KH&CN, nhóm tác giả đã rút ra một số nhận định về quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất từ phía 2 tác nhân này.

#### a) Đối với sự tham gia của nông dân

Nông dân là người có QSDĐ nông nghiệp, vì vậy họ là nhân tố quan trọng nhất và chủ động trong tích tụ, tập trung ruộng đất. Đây là điểm thuận lợi từ phía người nông dân khi họ tham gia vào tích tụ, tập trung ruộng đất. Qua kết quả hoạt động của các mô hình tập trung ruộng đất, người nông dân tích cực tham gia vào quá trình này do: họ nhận thức được sự cần thiết và hiệu quả của sự liên kết trong sản xuất; thấy được trình độ của các hộ sản xuất kinh doanh ngày càng cao. Các hình thức liên kết giữa nông dân với DN đã tạo ra không gian sản xuất chung và người dân được tiếp cận, được hỗ trợ và được tập huấn đối với các tiêu chuẩn hàng hóa; việc bao tiêu sản phẩm của các DN đã thúc đẩy sự phát triển của các nhóm liên kết sản xuất hàng hóa; trong khi đó các DN cũng nhận được các lợi ích như có nguyên liệu đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu, sản xuất, giá thành sản phẩm hạ hơn so với việc mua của từng hộ gia đình...

Ngoài ra, còn có những yếu tố tác động tích cực khác đến sự tham gia của người nông dân như:

(i) Luật Đất đai<sup>1</sup> cho phép chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê QSDĐ, góp vốn bằng QSDĐ - điều kiện thuận lợi để tích tụ, tập trung ruộng đất;

(ii) Chính phủ có chính sách khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất (dồn điền, đổi thửa, phát triển kinh tế trang trại, phát triển HTX, xây dựng cánh đồng lớn) và chuyển đổi đất trồng lúa sang đất nông nghiệp khác. Hệ thống chính sách này đã được triển khai từ cấp Trung ương đến địa phương;

(iii) Các HTX đang trong quá trình chuyển đổi, phát triển mô hình HTX kiểu mới theo hướng tích cực và đa dạng, phù hợp với nhu cầu sản xuất của người dân. Các HTX đã từng bước nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và định hướng hoạt động, tổ chức thêm ngành, nghề dịch vụ mới, chủ động hơn trong cơ chế thị trường, hiệu quả sản xuất kinh doanh ngày càng tăng. Nhiều HTX đã thực hiện được các khâu dịch vụ thiết yếu phục vụ sản xuất nông nghiệp, kết nối được với DN cung ứng vật tư đầu vào, thu mua sản phẩm đầu ra cho các thành viên. Theo đó, huy động được các thành viên mới tham gia vào HTX và mở rộng được diện tích canh tác sản xuất nông nghiệp;

(iv) Kết cấu hạ tầng nông thôn ngày càng được quan tâm đầu tư phát triển mạnh;

(v) Người nông dân được tiếp cận, hỗ trợ tín dụng.

Bên cạnh những thuận lợi trên thì còn những rào cản cho sự tham gia của nông dân vào quá trình tích tụ, tập trung ruộng đất.

(i) Về phía người nông dân: Lối sống của họ và ruộng đất manh mún khiến việc tập trung ruộng đất còn gặp khó khăn. Người nông dân vẫn có tư tưởng bám đất ruộng để tự sản xuất; nhận thức của nhiều người dân về tích tụ đất đai chưa cao.

Đối với hình thức tập trung ruộng đất kiểu cánh đồng lớn, khó khăn nhất là việc chia sẻ lợi ích giữa người nông dân và DN. Các DN và người nông dân không đạt được thỏa thuận hoặc không có sự hỗ trợ lẫn nhau khi thị trường giá cả không ổn định. Khi niềm tin của người nông dân đối với DN giảm thì việc mở rộng diện tích của cánh đồng lớn là khó khả thi (Hung Khanh Nguyen và cộng sự, 2019).

(ii) Về phía Nhà nước: Các chính sách về tích tụ và tập trung ruộng đất còn chưa đồng bộ; các quy định về hỗ trợ cho các HTX phát triển gặp nhiều khó khăn do vướng một số quy định của Luật Thuế, Luật Quy hoạch, Luật Đấu thầu...

Cơ chế chính sách thúc đẩy tập trung đất đai chưa được đẩy mạnh. Ở cấp địa phương công tác thực hiện kế hoạch tích tụ đất đai chưa được quan tâm, nhiều địa phương chưa có các mô hình trang trại kiểu mẫu để tập trung sản xuất nông nghiệp quy mô lớn.

Vấn đề ưu đãi đầu tư ứng dụng cụ thể cho sản xuất nông nghiệp tại cấp địa phương hiện nay chỉ mới dừng ở mức chính sách vì khó bố trí được nguồn vốn để thực hiện.

b) Đối với ứng dụng khoa học và công nghệ

Việc ứng dụng KH&CN trong nông nghiệp trên thực tế tại các địa bàn nghiên cứu cho thấy rõ mặt thuận như:

(i) Chính phủ có chính sách hỗ trợ, ưu đãi thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao thông qua miễn, giảm phí/thuế

<sup>1</sup> Xem: Điều 188, Luật Đất đai năm 2013, Luật số 45/2013/QH13 của Quốc hội: Luật đất đai, [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=171639](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=171639)



sử dụng đất; miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang nghiên cứu cơ chế chính sách đặc thù để thu hút đầu tư vào nông nghiệp công nghệ cao cho vùng ĐBSCL;

(ii) Nhà nước có chính sách hỗ trợ nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao;

(iii) Ngày càng có nhiều công ty chuyên hướng vào sản xuất nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao...

Tuy nhiên cũng còn những khó khăn như:

(i) Tổng mức đầu tư vào nông nghiệp của Việt Nam trong giai đoạn 2013-2017 chỉ đạt 5,69% tổng vốn đầu tư toàn xã hội (Dẫn theo: Thùy Dung, 2018), do vậy đầu tư KH&CN cho nông nghiệp không nhiều;

(ii) Liên kết giữa bốn nhà trên thực tế chưa đạt hiệu quả và không gắn kết;

(iii) Mặc dù, mức độ cơ giới hóa tại vùng ĐBSCL đang dẫn đầu cả nước về tất cả các mặt như gieo sạ, gặt hái, phun thuốc..., đối với việc trồng lúa thì thiết bị máy móc nhập khẩu có chất lượng tốt, dễ dàng nhập khẩu, nhưng đối với việc sản xuất thì máy móc không gắn với nhu cầu của người dân. Đối với ngành cây trái thì khác, máy móc cũng có thể nhập khẩu như máy phân loại trái cây, máy đánh bóng trái cây...; nhưng nhiều khi máy móc không phù hợp với sản phẩm trái cây, do vậy nhiều chủ DN phải tự mày mò và thiết kế máy móc, dây chuyền để phục vụ sản xuất của DN mình (DN hương Miền Tây của Bến Tre, DN chanh không hạt ở Hậu Giang...).

### Kết luận

Từ các vấn đề trên có thể thấy, các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất trong canh tác nông nghiệp là một hướng sản xuất mang lại nhiều giá trị về kinh tế - xã

hội. Tuy nhiên, để các mô hình này thực sự mang lại hiệu quả đòi hỏi Nhà nước phải nghiên cứu, xây dựng và có chính sách phù hợp nhằm thúc đẩy nền sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, đáp ứng được thực tiễn sản xuất trong bối cảnh hội nhập quốc tế và đặc biệt phải thích ứng được bối cảnh biến đổi khí hậu.

ĐBSCL có lợi thế liên quan đến phương thức sử dụng đất theo phương thức thị trường của những hộ nông dân trong khu vực. Trong khi chính sách đất đai liên quan đến hạn điền đã làm kìm hãm việc tập trung ruộng đất tại khu vực này thì sự nhanh nhạy và “vượt rào” của người dân trong việc chuyển đổi từ đất lúa sang đất trồng cây ăn quả, cây ngắn ngày, nuôi trồng thủy sản, hoặc việc chủ động thuê đất, sang nhượng đất đã giúp các hộ nông dân có được diện tích đất đai mà họ mong muốn để phát triển sản xuất. Việc đưa ra các chính sách liên quan đến ưu đãi vốn và tín dụng cũng là một nguyên nhân khiến việc tập trung ruộng đất để hình thành các trang trại tại vùng này phát triển.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia, các mô hình tích tụ và tập trung ruộng đất ở vùng ĐBSCL đã cho thấy những lợi ích của hoạt động sản xuất nông nghiệp, tuy nhiên các số liệu thống kê và khảo sát cũng cho thấy, việc tích tụ đất đai hoàn toàn không dễ dàng, tỷ lệ tăng của HTX, DN, trang trại trong khu vực ĐBSCL không lớn và diện tích bình quân/ thửa đất mà một nông hộ sử dụng cũng chỉ tăng nhẹ so với 5 năm về trước □

### Tài liệu tham khảo

1. Thúy An (2017), *Đồng bằng sông Cửu Long: Tích tụ ruộng đất nhìn từ thực tế*, <http://www.baohaugiang.com.vn/nong-nghiep-nong-thon/dong-bang-song->

- cuu-long-tich-tu-ruong-dat-nhin-tu-thuc-te-55518.html, truy cập ngày 25/8/2020.
2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2019), *Báo cáo Cơ giới hóa nông nghiệp - thực trạng và giải pháp - tháng 8 năm 2019*.
  3. Xem thêm: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2012), *Quyết định phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2013-2020*, <http://iasvn.org/upload/files/WP67OC6IPHChienluoc%20KHCN%20NN%202013-2020.pdf>, truy cập ngày 15/7/2020.
  4. Thùy Dung (2018), *Đầu tư cho nông nghiệp chỉ chiếm 6% tổng đầu tư toàn xã hội*, <https://www.thesaigontimes.vn/281466/dau-tu-cho-nong-nghiep-chi-chiem-6-tong-dau-tu-toan-xa-hoi.html>, truy cập ngày 25/8/2020.
  5. Hung Khanh Nguyen, Raymond Chiong, Manuel Chica, Richard Middleton and Dung Thi Kim Pham (2019), “Contract farming in the Mekong Delta’s rice supply chain: Insights from an Agent-Based Modeling Study”, *Journal of Artificial Societies and Social Simulation*, Vol. 22, Issue 3, No. 1, <http://jasss.soc.surrey.ac.uk/22/3/1.html>.
  6. Đỗ Hoài Nam (2016), *Báo cáo Tổng hợp “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp chính sách tăng cường hợp tác tự nguyện của nông dân trong các mô hình cánh đồng lớn sản xuất lúa ở đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng”*, Đề tài cấp Nhà nước thuộc Chương trình Khoa học và Công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015.
  7. Hoàng Anh Thư (2020), *Đẩy mạnh nghiên cứu cây giống, con giống chất lượng cao*, <https://nhandan.com.vn/tin-tuc-kinh-te/day-manh-nghien-cuu-cay-giong-con-giong-chat-luong-cao-449951/>, truy cập ngày 25/8/2020.
  8. Ánh Tuyết (2019), *Vai trò “bốn nhà” trong ứng dụng khoa học và công nghệ vào nông nghiệp*, <https://nhandan.com.vn/khoa-hoc/vai-tro-bon-nha-trong-ung-dung-khoa-hoc-va-cong-nghe-vao-nong-nghiep-374345/>, truy cập ngày 25/8/2020.

(tiếp theo trang 63)

Các đại biểu nhất trí, Hội thảo là cơ hội quý báu để trao đổi tri thức học thuật, kinh nghiệm chuyên gia và mở ra tầm nhìn dài hạn đối với việc bảo quản, khai thác các giá trị văn hóa, lịch sử của kho tư liệu Nhật Bản cổ. Để thực hiện điều này, các chuyên gia không chỉ dừng lại ở việc chỉ ra các giá trị lịch sử, văn hóa đa dạng, đặc biệt của kho tư liệu, mà còn nhấn mạnh việc cần phải

đánh giá thực tế những giá trị đó trên cơ sở hoạt động nghiên cứu chuyên sâu, hợp tác nghiên cứu đa ngành và liên ngành về nội dung các tư liệu. Buổi Hội thảo đã diễn ra trong không khí thảo luận sôi nổi với nhiều ý kiến đóng góp cho việc bảo quản, lưu trữ và triển khai, phát huy các giá trị tài liệu của kho Nhật Bản cổ nói riêng, các tài liệu cổ, quý hiếm được kế thừa từ EFEO nói chung hiện đang được lưu trữ tại Thư viện KHXH.

PV